

Nội dung bài viết

1. [Soạn Unit 6 Grammar 6.4 lớp 7 bộ sách English Discovery](#)

## *Soạn Unit 6 Grammar 6.4 lớp 7 bộ sách English Discovery*

### **Bài 1**

#### **Used to**

I can use **used to** to talk about school activities in the past.

*(Tôi có thể dùng used to để nói về các hoạt động ở trường trong quá khứ.)*

**1. In pairs, read the text, look at the pictures and discuss the primary school activities you used to do, but don't do any longer.**

*(Làm việc theo cặp, đọc đoạn hội thoại dưới đây và nhìn vào các bức hình thảo luận các hoạt động ở trường tiểu học mà bạn đã từng làm nhưng hiện tại không còn làm nữa.)*



Anthony and Maria are secondary school students in Mexico. They are talking about what primary school was like.

**Anthony:** When I was in primary school, we used to go home at 2.00 p.m.

**Maria:** You were lucky. We used to have to stay at school until 3.30 like the older kids.

**Anthony:** That's a long day!

**Maria:** Yes, but we used to do a lot of fun things. We used to do finger-painting, build things, and even take a nap after lunch.

**Anthony:** That doesn't sound so bad. We used to have fun, too. We went on field trips and did school plays.

**Maria:** School used to be much more fun than it is now.

**Anthony:** Yeah, I didn't use to study so hard.

### **Phương pháp giải:**

I used to + V0 (động từ nguyên mẫu): tôi đã từng làm gì trong quá khứ nhưng hiện tại không còn làm nữa.

### **Tạm dịch:**

*Anthony và Maria là học sinh trung học ở Mexico. Họ đang nói về trường tiểu học thì như thế nào.*

*Anthony: Khi tôi còn học tiểu học, chúng tôi từng về nhà lúc 2 giờ chiều.*

*Maria: Bạn đã may mắn rồi. Chúng tôi đã từng phải ở trường đến 3h30 như những đứa trẻ lớn hơn.*

*Anthony: Đó là một ngày dài!*

*Maria: Đúng vậy, nhưng chúng tôi đã từng làm rất nhiều điều vui vẻ. Chúng tôi thường vẽ tranh bằng ngón tay, lắp ráp đồ vật và thậm chí còn ngủ trưa sau bữa ăn trưa.*

*Anthony: Nghe thật không tồi. Chúng tôi cũng đã từng rất vui vẻ. Chúng tôi đã đi ngoại khóa và đóng kịch ở trường.*

*Maria: Trường học đã từng vui hơn nhiều so với bây giờ.*

*Anthony: Đúng vậy, tôi chưa từng phải học chăm chỉ như vậy.*

### **Lời giải chi tiết:**

**A:** I used to plant trees in my primary school's yard but I no longer do that now.

*(Tôi đã từng trồng cây trong sân trường tiểu học của tôi nhưng bây giờ tôi không còn được làm vậy nữa.)*

**B:** Yeah, me too. I also used to perform a play at my primary school.

(Đúng vậy, tôi cũng thế. Tôi cũng đã từng diễn một vở kịch ở trường tiểu học.)

**Bài 2**

**2. Study the Grammar box. Find examples of used to and didn't use to in the dialogue.**

(Nghiên cứu khung ngữ pháp dưới đây. Tìm ví dụ về *used to* và *didn't use to* trong đoạn hội thoại.)

Grammar (Ngữ pháp)	Used to (Đã từng)
<p>We use <b>used to</b> for routines and states that finished in the past and are no longer true. (Chúng ta sử dụng <i>used to</i> cho các thói quen và trạng thái đã xảy ra và kết thúc trong quá khứ và không còn đúng nữa ở hiện tại.)</p> <p>I <b>used to</b> study music after school, but now I prepare for my exams. (Tôi đã từng học âm nhạc sau giờ học ở trường, nhưng bây giờ tôi đang chuẩn bị cho các kỳ thi của mình.)</p> <p>This <b>used to</b> be a very interesting museum. Now I think it's a bit boring. (Đây từng là một bảo tàng rất thú vị. Bây giờ tôi nghĩ nó hơi nhàm chán.)</p>	

**Lời giải chi tiết:**

1. We used to go home at 2.00 p.m.
2. We used to have to stay at school until 3.30 like the older kids.
3. We used to do a lot of fun things.
4. School used to be much more fun than it is now.
5. I didn't use to study so hard.

**Bài 3**

**3. Peter does the following activities this year. Write about what Peter used to do (✓) and didn't use to do (✗) last year.**

(Peter thực hiện các hoạt động sau đây trong năm nay. Viết về những việc Peter đã từng làm (✓) và chưa từng làm (✗) vào năm ngoái.)

1. He plays football. ✗

---

2. He paints pictures. ✓

---

3. He builds a website. ✗

---

4. He competes in a game. ✓

---

5. He studies algebra. ✗

---

### Phương pháp giải:

Used to: chưa từng >< didn't use to: chưa từng

### Lời giải chi tiết:

1. He **didn't use to** play football.

(Anh ấy chưa từng chơi bóng đá.)

2. He **used to** paint pictures.

(Anh ấy đã từng tô màu các bức tranh.)

3. He **didn't use to** build a website.

(Anh ấy chưa từng xây dựng một trang web.)

4. He **used to** compete in a game.

(Anh ấy đã từng tham gia thi đấu trong một trò chơi.)

5. He **didn't use to** study algebra.

(Anh ấy chưa từng học đại số.)

**Bài 4**

**4. Think back to when you were in primary school or kindergarten. In pairs, tell your partner what you used to do.**

*(Hãy nhớ lại khi bạn còn học tiểu học hoặc mẫu giáo. Làm việc theo cặp, hãy nói với bạn của mình về những gì bạn đã từng làm.)*

I used to play with blocks and make things in class.

*(Tôi đã từng chơi với các hình khối và lắp ráp đồ vật trong lớp.)*

I used to do that too. But now I have to read and study a lot.

*(Tôi cũng đã từng làm điều đó. Nhưng bây giờ tôi phải đọc sách và học rất nhiều.)*

**Lời giải chi tiết:**

**A:** I used to play Hide and Seek and paint pictures in class.

*(Tôi đã từng chơi trốn tìm và tô màu các bức tranh trong lớp.)*

**B:** I used to attend an aerobic class in my kindergarten.

*(Tôi đã từng học một lớp thể dục nhịp điệu trong trường mẫu giáo của tôi.)*